

Bản án số: **46/2023/HS-ST**
Ngày 22-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thắng.

2. Ông Võ Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Văn An T, sinh ngày 22/11/1999, nơi sinh: Gò Quao - Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp VT, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; CCCD số: 091099015721; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bh và con bà Phạm Thị Hg, bị cáo chưa có vợ con; anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án: 01 tiền án về hành vi “*Hành hung đồng đội*” ngày 10/6/2020 bị Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 9 tuyên phạt 09 (chín) tháng tù theo Bản án số 04/2020/HS-ST; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 09 ngày 17/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Quao, có mặt.

2/ Họ và tên: Nguyễn Trường A, sinh ngày 30/7/2000, nơi sinh: Gò Quao - Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp MH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; CCCD số: 091200006788; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ti và bà Phan Thị Nt, vợ là Danh Thị Huyền Tn (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2018; anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án: 01 tiền án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” ngày 25/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ tuyên phạt 09 (chín) tháng tù theo Bản án số 17/2021/HS-ST; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 10 ngày 17/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Quao (bắt ngày 19/5/2023), có mặt.

- Bị hại:

1/ Anh Trần Tuấn D, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp PL, xã VPA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2/ Anh Hồ Văn H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp VH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

3/ Anh Huỳnh Đình P (tự: Kn), sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp VT, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

2/ Chị Trương Bảo C, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Khu phố PT2, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

3/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp MH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

4/ Ông Nguyễn Văn Bh, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp VT, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

5/ Bà Lê Thị Hp, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp VH, xã VT, huyện GQ o, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Người làm chứng:

1/ Chị Nguyễn Thị Huyền Tn1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Khu phố PH1, thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2/ Anh Võ Văn Ng, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp VM, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

3/Anh Danh Ni1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp HA, xã ĐH, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/01/2023 Nguyễn Trường A thuê xe ôm lại nhà Nguyễn Văn An T thuộc ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao để chơi. Tại đây, T có nói với A về việc tìm một chiếc xe máy đem cầm để chuộc lại chiếc xe Exciter trả cho anh Huỳnh Đình P (do xe Exciter này T mượn của anh P rồi đem đi cầm ở Đường Xuồng vào ngày 22/01/2023) và được A đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Trần Tuấn D gọi điện cho T và nhờ T tìm nhà trọ để cho 2 người bạn của anh D ngủ qua đêm. T đồng ý và kêu anh D chạy xe qua nhà T, sau khi nghe điện thoại xong T bắt đầu nảy sinh ý định lấy xe của anh D mang đi cầm để chuộc lại xe của anh P nên T đã giả vờ nhắn tin hỏi mượn xe của anh D để đi công chuyện, được anh D đồng ý và T báo cho A biết đã có xe mang đi cầm rồi. Đến hơn 19 giờ anh D chạy xe Exciter màu đen – cam, biển kiểm soát 68E1 – 354.42 đến nhà T cùng 2 người bạn đi xe riêng. Lúc này, T kêu A lên xe đi cùng với anh D dẫn lại nhà trọ anh Đào Thanh Trường thuộc ấp Mười Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho 2 người bạn của anh D thuê nghỉ, xong chạy xe anh D về nhà T. Khi tới nhà trọ của anh Trường, anh D giao xe Exciter màu đen – cam, biển kiểm soát 68E1 – 354.42 lại cho A mang xe về cho T mượn, A chạy xe về đến nhà T, T mở cốp xe ra để kiểm tra bình xăng thì phát hiện trong cốp có giấy đăng ký xe của anh D. Toàn rủ A đi lại nhà anh Tính bán bia ở kênh 1 để cầm xe, A nói ở đó gần quá và kêu T mang ra chợ Gò Quao để cầm được nhiều

tiền hơn. T đồng ý và chạy xe chở A ra tiệm Ngọc Giỏi ở thị trấn Gò Quao để cầm nhưng chủ tiệm đã đóng cửa, tiếp theo T chở A đến vòng xoay Gò Quao thì gặp Nguyễn Quốc Minh, Minh hỏi T đi đâu, T trả lời là đi tìm chỗ cầm xe, xong Minh dẫn T và A lại tiệm cầm đồ Huyền Trân trong khu bến xe Gò Quao. Đến tiệm gặp chị Nguyễn Thị Huyền Tn1 xem xe và ra giá nhận cầm xe 7.000.000 đồng, T khai tên trong biên nhận cầm xe là Nguyễn Văn An T. Sau khi giao xe và giấy đăng ký xe bị cáo T nhận tiền rồi đi cùng Minh và A qua nhà Nguyễn Văn Nhân ở khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao. Tại đây, T giao cho A số tiền 4.500.000 đồng và kêu A đi cùng Minh đến nhà anh Danh Ni1 ở ấp Hòa Ấn, xã Định Hòa, huyện Gò Quao để chuộc xe Exciter của anh P. Ngoài ra, bị cáo T còn trả cho Nhân số tiền 2.000.000 đồng mà A và T đã mượn Nhân xài trước đó. Còn lại 500.000 đồng bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết. Trong lúc T ở nhà Nhân đợi A về thì anh D có gọi cho T để đòi lại xe nhưng T không nghe máy. Về phía bị cáo A sau khi được Minh chở đến nhà anh Ni1, Minh quay lại về Gò Quao. A nhờ anh Ni1 liên hệ với người tên Nam (chưa xác định được lai lịch cụ thể) để chuộc lại xe của anh P, Nam cho bị cáo A số tài khoản để A chuyển tiền chuộc lại xe. Do trời đã khuya nên A ngủ lại nhà anh Ni1, đến khoảng 08 giờ sáng ngày 26/01/2023 A đi xe ôm ra chợ Cà Nhung vào tiệm điện thoại bên đường để chuyển tiền cho người tên Nam với số tiền 4.400.000 đồng để chuộc xe. Sau khi chuyển tiền xong, A quay lại nhà anh Ni1 để chờ lấy xe nhưng không có xe nên về lại thị trấn Gò Quao. Đến khoảng 11 giờ ngày 26/01/2023 anh D liên hệ và tìm gặp bị cáo A tại quán cà phê ở chợ Sóc Ven- thuộc xã Định An, tại đây bị cáo A thừa nhận cùng bị cáo T đem xe của anh D để đi cầm tại tiệm cầm đồ Huyền Trân với số tiền 7.000.000 đồng. Anh D đưa bị cáo A đến Công an xã Vĩnh Thắng trình báo sự việc, đến 20 giờ ngày 26/01/2023 Công an cho A về nhà, A đi ra Gò Quao gặp T và T có mua ma túy cho bị cáo A sử dụng. Hiện tại chiếc xe Exciter màu đen – cam, biển kiểm soát 68E1 – 354.42 của anh D đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trao trả cho anh D.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, bị cáo Nguyễn Văn An T còn khai nhận đã thực hiện thêm hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 22/01/2023 bị cáo Nguyễn Văn An T cùng Nguyễn Thuận Cường Quốc, Nguyễn Trung Hiếu và bạn của Quốc đi ra chợ Vĩnh Tuy để uống bia. Khi đi đến vòng xoay chợ Vĩnh Tuy Toàn gặp bị cáo A nên T rủ A vào nhậu cùng. Trong lúc nhậu có anh Huỳnh Đình P gọi điện cho bị cáo T, T nói đang ở chợ Vĩnh Tuy và rủ P xuống nhậu cùng. Khoảng 30 phút sau thì P chạy xe Exciter màu xanh, biển kiểm soát 63B3 – 590.16 xuống nhậu cùng nhóm của T. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo T có hỏi mượn xe của P đi công chuyện và anh P đồng ý, xong T rủ A đi cùng, trong lúc đi bị cáo T có ghé vào bên đò kênh 5 gặp anh Kiều Tấn Phát chạy đò và giao cho anh Phát bịch ma túy. Xong T chở A đến nhà anh Danh Ni1 để mua ma túy đá sử dụng, trên đường đi đến xã Vĩnh Phước B thì Danh Được gọi điện thoại cho bị cáo T hỏi mượn 1.000.000 đồng, bị cáo T cầm điện thoại cho Danh Được và chạy xe chở bị cáo A đến nhà anh Danh Ni1 ngụ ấp Hòa Ấn, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Khi gặp anh Ni1 do hết tiền mua ma túy nên có kêu anh Ni1 cầm chiếc điện thoại của Danh Được thế chấp, Danh Ni1 không đồng ý nên bị cáo T nảy sinh ý định và kêu cầm xe Exciter màu xanh, biển kiểm soát 63B3 – 590.16 của anh P, anh Ni1 có hỏi xe của ai thì T nói là xe của bị cáo T và không có giấy tờ xe, anh Ni1 không chịu cầm. Trong lúc này có bạn của anh Ni1 tên Nam (chưa xác định được lai lịch cụ thể)

chạy xe của anh P đi cầm ở đâu không rõ, rồi về giao cho lại T 01 bịch ma túy và vài trăm ngàn và cho T hay là cầm xe được 4.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo T có nhờ em của anh Ni1 đưa bị cáo A và T về xã Vĩnh Thắng, bị cáo T trả vài trăm ngàn tiền xe rồi về nhà cùng bị cáo A sử dụng ma túy. Ý định ban đầu là mượn xe của anh P đi mua ma túy sử dụng, nhưng do Danh Được cầm điện thoại và không có tiền nên bị cáo T nảy sinh ý định cầm xe của anh P. Việc cầm xe là do bị cáo T đứng ra cầm, không có bàn bạc gì trước với A. Hiện tại xe trên vẫn chưa thu hồi được. Riêng số ma túy và tiền có được từ việc cầm xe của anh P thì T đã sử dụng hết. Sau khi biết xe mình bị Nguyễn Văn An T mang đi cầm, anh P đến Công an xã Vĩnh Tuy trình báo sự việc.

Ngoài hành vi lừa đảo và lạm dụng chiếm đoạt tài sản nêu trên, quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn An T và Nguyễn Trường A còn khai nhận đã thực hiện vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Gò Quao, cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 11/02/2023 anh Hồ Văn H đến nhà bị cáo T chơi, trong lúc này có gặp bị cáo A và anh Võ Văn Ng tại đây. Anh H thấy T đang xỏ gà nên rủ T đến nhà anh H để chơi đá gà, khi đi thì anh H chạy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 68E1- 401.37 chở bị cáo A, còn T chở anh Ng. Khi đến nhà anh H thuộc ấp Vĩnh Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang thì cả 2 xe đậu trên mái hiên nhà anh Hậu, xe của anh H vẫn còn chìa khóa để trên xe, tiếp theo mọi người ra đám trảm sau nhà anh H để đá gà, gà của bị cáo T đá với người lạ ở bên thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đá xỏ 1.000.000 đồng kết quả gà của bị cáo T thua. Sau đó, T về nhà anh H trước, bị cáo A đi theo sau. Trong lúc này T nói với A là đã mượn xe của anh H rồi và kêu A mang xe đi cầm lấy tiền về chung tiền gà, không có nói cầm bao nhiêu và cầm ở đâu, nhưng thực chất T không có hỏi mượn xe của anh H. Tuy bị cáo T đã nói dối là đã hỏi mượn xe anh H, nhưng bị cáo A biết rõ là T chưa có hỏi mượn xe của anh H và tự ý mang xe của anh H chạy đến gặp Danh Minh Bảo ở ấp An Bình, xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và cầm xe của anh H với giá 4.000.000 đồng, lấy tiền chuộc điện thoại mà bị cáo A đã cầm trước đó 2.000.000 đồng, còn lại nhờ Bảo gọi cho bạn của Bảo để mua ma túy với số tiền 1.200.000 đồng và nhận tiền mặt là 800.000 đồng. Khi anh H vào nhà không thấy xe của mình nên hỏi T thì T nói A lấy xe chạy đi mượn tiền về chung tiền đá gà, do đợi lâu không thấy A về nên H có sử dụng tài khoản Zalo của T nhắn tin cho A hỏi xe đâu, bị cáo A nói xe đã cầm xe. Đến 17 giờ cùng ngày không thấy bị cáo A về nên anh H cùng anh Ng đến nhà tìm A để hỏi chiếc xe, bị cáo A cho hay đã cầm xe của anh H và giao cho H số tiền 800.000 đồng và bịch ma túy, ngay sau đó anh H đưa An đến Công an xã Vĩnh Tuy trình báo sự việc. Đến tối Công an xã Vĩnh Tuy cho bị cáo A về nhà, khi về A gặp anh H và anh Ng ở chợ Vĩnh Tuy, cả 3 đã sử dụng hết số ma túy mà bị cáo A đã đưa cho anh H trước đó. Đến ngày 15/02/2023 A đến nhà T chơi và gặp Huỳnh Văn Tuấn Em, tại đây A có nói việc mang xe của anh H đi cầm tại nhà của Danh Minh Bảo, Tuấn Em rủ A và T lấy xe của anh H cầm vào tiệm game bắn cá của chị Trương Bảo Châu ở thị trấn Gò Quao để lấy số tiền cao hơn rồi lấy tiền trả cho Bảo, số còn lại chơi game bắn cá nếu thắng thì lấy tiền chuộc xe anh H ra. Bị cáo T và bị cáo A đồng ý và cả 3 đi bằng xe của T ra Gò Quao, khi đến tiệm game bắn cá của chị Châu, T đợi ở ngoài bị cáo A và Tuấn Em đến gặp chị Châu, Tuấn Em vào nói với chị Châu cầm xe của bị cáo A xe Satria giấy tờ để trên Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Châu đồng ý cầm, xong cả 3 lên nhà của Bảo xin lấy xe ra trước

và cho T ở lại nhà Bảo, tiếp theo Tuấn Em và bị cáo A chạy xe của anh H xuống gặp chị Châu, bị cáo A vào cầm xe số tiền 4.500.000 đồng. Chị Châu đưa tiền cho A cùng Tuấn Em đến nhà Bảo trả cho Bảo số tiền 4.000.000 đồng rồi cả 03 xuống tiệm game của chị Châu chơi game bắn cá. Trong lúc chơi thua hết tiền bị cáo A có gọi cho chị Châu xin cầm xe thêm số tiền 3.000.000 đồng, chị Châu lại đưa cho bị cáo A thêm 3.000.000 đồng, số tiền này bị cáo A nạp vào game bắn cá cả ba chơi đến hơn 20h thua hết thì về nhà. Đến ngày 16/02/2023 bị cáo A tiếp tục đến gặp chị Châu xin cầm thêm chiếc xe trên số tiền 500.000 đồng. Số tiền này bị cáo A và T đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện tại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 68E1- 401.37 gia đình anh H đã chuộc lại với số tiền 3.500.000 đồng.

- *Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Gò Quao kết luận: Một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đen–cam, số khung RLCUG1010JY013784, số máy G3D4E-779010, biển kiểm soát: 68E1-354.42, mua vào ngày 03/12/2018, tính đến thời điểm định giá tháng 01/2023 có giá trị: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).*

Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xanh – bạc – đen, số khung 0610GY374688, số máy G3D4E392802, biển kiểm soát: 63B3-590.16, mua tháng 11/2022, xe đã thay đổi màu sơn thành màu xanh nhạt, tính đến thời điểm định giá tháng 01/2023 có giá trị: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- *Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Gò Quao kết luận: Một xe gắn máy nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria, màu đen – đỏ; số máy CGA1ID187680, số khung 11AZKJ87678, biển số: 68E1-401.37, mua tháng 07/2019, tính đến thời điểm định giá tháng 02/2023 có giá trị: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

* *Về vật chứng:* Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng như sau:

- Tạm giữ của bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đen – cam; Biển kiểm soát: 68E1-354.42 .

+ 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 028704, tên chủ xe Trần Tuấn D.

+ 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 025015, BKS 63B3-590.16, tên chủ xe Võ Thị Mai (lưu tại hồ sơ vụ án).

- Tạm giữ của ông Nguyễn Văn Bh là cha ruột của bị cáo T nộp khắc phục hậu quả với số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) (bl 251).

- Tạm giữ của bà Phạm Thị Nhanh là bà nội của bị cáo A nộp khắc phục hậu quả với số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) (bl 252).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý trao trả đồ vật bị thu giữ cho người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Trả cho anh Trần Tuấn D: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đen – cam; Biển kiểm soát: 68E1-354.42 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 028704, tên chủ xe Trần Tuấn D.

- Trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo biên bản trao trả tài sản ngày 06/6/2023 (bl 253).

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKSND-GQ, ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn An T về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; và đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường A về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn An T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường A phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn An T mức án từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn An T phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trường A phải chấp hành hình phạt chung theo quy định.

**Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại anh Huỳnh Đình P yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thiệt hại với số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng); bị hại anh Hồ Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thiệt hại với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và bị hại anh Trần Tuấn D yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thêm chi phí đi lại, sửa xe với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); hai bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T phải bồi thường cho anh Huỳnh Đình P số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Hồ Văn H số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và bồi thường cho anh Trần Tuấn D số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tổng cộng các khoản bồi thường là 27.500.000 đồng; chia đôi số tiền bồi thường cho mỗi bị cáo (tức là mỗi bị cáo phải bồi thường cho các bị hại với số tiền là 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)). Đối với bà Nguyễn Thị N, chị Trương Bảo C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

*** Về biện pháp tư pháp:** Không có.

Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Trần Tuấn D và anh Hồ Văn H có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Bảo C, bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt và người làm chứng anh Võ Văn Ng và anh Danh Ni1 vắng mặt và việc vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản đối chất, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định; Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, vào ngày 25/01/2023 tại ấp Mười Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Nguyễn Văn An T và bị cáo Nguyễn Trường A đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter màu đen – cam, biển kiểm soát 68E1 – 354.42 của anh Trần Tuấn D rồi chiếm đoạt mang cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn An T và bị cáo Nguyễn Trường A lừa đảo để chiếm đoạt là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Ngoài ra, vào ngày 11/02/2023 bị cáo Nguyễn Văn An T và Nguyễn Trường A đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen – đỏ, biển kiểm soát 68E1- 401.37 của anh Hồ Văn H tại ấp Vĩnh Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang với giá trị tài sản mà hai bị cáo đã chiếm đoạt là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Trước đó, ngày 22/01/2023 tại ấp Hòa An, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bị cáo Nguyễn Văn An T đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của anh Huỳnh Đình P, sau khi mượn được xe mô tô của anh P nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter màu xanh, biển kiểm soát 63B3 – 590.16, bị cáo T đã cầm cố xe của anh P để lấy tiền nhằm mua ma túy để sử dụng, giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn An T chiếm đoạt là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp

luật thừa nhận và bảo vệ, xâm phạm an toàn, trật tự công cộng làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn An T đủ yếu tố cấu thành tội các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Trường A đã đủ yếu tố cấu thành tội các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó Cáo trạng số 40/CT-VKSND-GQ ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố bị cáo Nguyễn Văn An T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” và truy tố bị cáo Nguyễn Trường A phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tài sản sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, hai bị cáo tuy đã có sự thống nhất và cùng nhau thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Tuấn D và trộm cắp tài sản của anh Hồ Văn H nhưng không có sự bàn bạc kỹ lưỡng, cấu kết chặt chẽ; bị cáo T đóng vai trò thực hành chính, đã rủ rê bị cáo A thực hiện tội phạm, bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối để anh D giao xe mô tô rồi kêu bị cáo A mang đi tiêu thụ; cũng thủ đoạn tương tự bị cáo T đã tự ý lấy mô tô của anh H rồi giao cho bị cáo A đi tiêu thụ nhằm hưởng lợi thu lợi bất chính, ngoài ra bị cáo T còn lợi dụng lòng tin của anh Huỳnh Đình P để hỏi mượn xe mô tô, khi được tài sản bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã mang xe mô tô của anh P đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân; đối với bị cáo A sau khi được bị cáo T rủ rê nhưng vì háms lợi nên đã đồng ý và giúp sức tích cực và mang tài sản đi tiêu thụ. Do đó cần xét xử bị cáo T ở mức án cao hơn bị cáo A mới đủ sức răn đe và nhằm giáo dục các bị cáo sống phải biết chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo T tại thời điểm xét xử còn 01 tiền án về tội “*Hành hung đồng đội*” theo Bản án số 04/2020/HS-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 9 tuyên phạt 09 (chín) tháng tù đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích; bị cáo A tại thời điểm xét xử còn 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 17/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ tuyên phạt 09 (chín) tháng tù đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương hai bị cáo phải cố gắng lao động chân chính nhưng trái lại đến ngày 22/01/2023 bị cáo T phạm tội mới; ngày 25/01/2023 và ngày 11/02/2023 hai bị cáo

lại tiếp tục phạm tội mới nên đây là tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cũng xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hai bị cáo đã tác động đến gia đình nộp khắc phục một phần hậu quả và tại phiên tòa bị hại anh D và anh H có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với từng bị cáo khi lượng hình.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Đình P yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thiệt hại với số tiền 18.500.000đ (*Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng*); bị hại anh Hồ Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thiệt hại với số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và bị hại anh Trần Tuấn D yêu cầu bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường thêm chi phí đi lại, sửa xe với số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), hai bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Trường A và Nguyễn Văn An T bồi thường cho anh Huỳnh Đình P số tiền 18.500.000đ (*Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng*); bồi thường cho anh Hồ Văn H số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) và bồi thường cho anh Trần Tuấn D số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), tổng cộng các khoản bồi thường cho các bị hại là 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Mỗi bị cáo phải bồi thường với số tiền là 13.750.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) cho các bị hại.

[7] Về hành vi cầm cố xe mô tô của chị Nguyễn Thị Huyền Tn1, chị Trương Bảo C, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Quốc Mh không cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nên không truy tố.

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T, bị cáo A và Hồ Văn H và hành vi đánh bạc của bị cáo T chưa xác định được định lượng. Riêng Kiều Tấn Phát không thừa nhận có nhận ma túy từ bị cáo T, Cơ quan điều tra không thu được chất ma túy và không xác định được khối lượng cụ thể nên không truy tố.

Đối với đối tượng Huỳnh Văn Tuấn Em hiện tại không có mặt tại địa phương, đối với người tên Nam đã cầm xe từ bị cáo Toàn, riêng thanh niên bạn của Danh Minh Bảo bán ma túy cho bị cáo An, Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch cụ thể, nên tiếp tục điều tra xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Quao trả lại tài sản cho chủ sở hữu anh Trần Tuấn D và bà Nguyễn Thị N.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn An T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường A phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn An T 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn An T phải chấp hành hình phạt chung là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành án tính từ ngày 17/5/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trường A phải chấp hành hình phạt chung là 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời điểm chấp hành án tính từ ngày 19/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Nguyễn Văn An T bồi thường cho anh Huỳnh Đình P số tiền 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Hồ Văn H số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và bồi thường cho anh Trần Tuấn D số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tổng cộng các khoản bồi thường cho các bị hại là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường với số tiền là 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Quao trả lại tài sản cho chủ sở hữu anh Trần Tuấn D và bà Nguyễn Thị N.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn An T và Nguyễn Trường A, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Hai bị cáo Nguyễn Văn An T và Nguyễn Trường A, mỗi bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền bồi thường là 687.500đ. Tổng cộng hai khoản án phí mỗi bị cáo còn phải nộp là 887.500đ (Tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị N và chị Trương Bảo C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND huyện Gò Quao;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các bị cáo;
- Những người TGT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn